

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 05/01/2024

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành;

Bà Vũ Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thuận Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐST- DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1973.

Nơi thường trú: Thôn Điện T, xã Nguyệt Đ, thị xã Thuận Thành, Bắc Ninh.

(Có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1976.

Nơi thường trú: Thôn Thư Đ, xã Nguyệt Đ, thị xã Thuận Thành, Bắc Ninh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Ngọc V kết hôn với chị Nguyễn Thị S ngày 26/4/2002. Trước khi kết hôn anh chị có tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Theo như anh V trình bày: Sau khi kết hôn chị S về chung sống cùng anh và gia đình anh ngay. Vợ chồng sống hòa thuận cho đến đầu năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 4/2004 thì chị S đã mang con (cháu T) bỏ về nhà bố mẹ

để chị S ở thôn Thụ Đồi sinh sống. Khi chị S mang cháu T về bên ngoại thì anh cũng không biết là chị S có thai. Khoảng tháng 5,6/2004, anh có làm đơn ly hôn với chị S, Tòa án huyện Thuận Thành đã tiến hành giải quyết vụ án tuy nhiên lúc đó chị S trình bày là chị Sanh đã có thai nên Tòa án không giải quyết nữa. Đến tháng 12/2004, chị S sinh cháu thứ 2 ở bên ngoại nhưng do vợ chồng đã không còn tình cảm nên anh cũng không đón chị S về và vợ chồng anh vẫn sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị S không còn, anh và chị S không thể quay về chung sống cùng nhau nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh và chị S có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/3/2003 và Nguyễn Thị T1, sinh ngày 24/12/2004. Hiện nay cả 02 con chung của anh và chị S đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Anh xác nhận anh và chị S không có.

Ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị Nguyễn Thị S không đến Tòa án làm việc và không khai báo. Do vậy Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị S theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

+ Anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị S. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

+ Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Còn bị đơn là chưa đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc V được ly hôn chị Nguyễn Thị S.

Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Anh V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Ngọc V kết hôn với chị Nguyễn Thị S ngày 26/4/2002. Trước khi kết hôn anh chị có tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị S là có thật và nguyên nhân theo như anh V trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 4/2004 thì chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị S ở thôn Thư Đôi sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh V được ly hôn với chị S.

[2] Về con chung: Anh V và chị Sanh có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/3/2003 và Nguyễn Thị T1, sinh ngày 24/12/2004. Hiện nay cả 02 con chung của anh và chị S đã trưởng thành, anh V không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và công nợ: Anh V xác nhận vợ chồng không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc V được ly hôn chị Nguyễn Thị S.

2. Về con chung: Hai con chung của anh Nguyễn Ngọc V và chị Nguyễn Thị S là Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/3/2003 và Nguyễn Thị T1, sinh ngày 24/12/2004 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận anh V đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006226 ngày 17/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành).

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND thị xã Thuận Thành;*
- *THADS thị xã Thuận Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu